

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN THỊ TƯỜNG VI

HẠN CHÉ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG
TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM -
CHI NHÁNH QUY NHƠN

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Mã số: 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2014

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN HÒA NHÂN

Phản biện 1: PGS. TS. Lâm Chí Dũng

Phản biện 2: TS. Trần Ngọc Sơn

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại Học Đà Nẵng vào ngày 22 tháng 3 năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin Học liệu - Đại Học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hoạt động của ngân hàng có quan hệ mật thiết, hữu cơ với khách hàng và nền kinh tế thông qua quá trình thực hiện các hoạt động kinh doanh, các hoạt động dịch vụ ngân hàng như huy động vốn, cho vay vốn, thanh toán và các hoạt động dịch vụ khác. Chính vì vậy, rủi ro đối với hoạt động ngân hàng rất đa dạng.

Hạn chế rủi ro tín dụng là vấn đề khó khăn nhưng rất bức thiết đối với ngân hàng thương mại Việt Nam, thu nhập từ hoạt động tín dụng chiếm từ 60-80% thu nhập của ngân hàng. Với bối cảnh như thế, rủi ro tín dụng luôn là mối quan tâm hàng đầu của các ngân hàng đồng thời hạn chế rủi ro tín dụng giữ vị trí trung tâm trong hoạt động quản trị rủi ro của ngân hàng. Xuất phát từ tính cấp thiết trên và tình hình hoạt động tín dụng thực tế tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn tác giả tiến hành nghiên cứu đề tài: "*Hạn chế rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Quy Nhơn*".

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về hạn chế rủi ro tín dụng của NHTM.

- Nghiên cứu thực trạng hạn chế RRTD tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn, trên cơ sở đó đánh giá những kết quả đạt được, tồn tại và hạn chế trong công tác hạn chế rủi ro tín dụng.

- Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm góp phần hạn chế rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn.

Câu hỏi nghiên cứu

Để phù hợp với nội dung và mục tiêu nghiên cứu, đề tài phải trả lời được các câu hỏi sau:

- Về lý luận, nội dung hạn chế RRTD, tiêu chí đánh giá kết quả cũng như những nhân tố ảnh hưởng đến công tác hạn chế RRTD là gì?;

- Thực trạng hạn chế RRTD trong cho vay tại chi nhánh như thế nào; Những vấn đề nào cần phải được giải quyết trong công tác hạn chế RRTD tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn?;

- Các giải pháp cần thiết nhằm hạn chế RRTD tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn?.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến việc hạn chế RR tin1 dụng tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn.

- Phạm vi nghiên cứu

- + Về nội dung: Đề tài không nghiên cứu toàn bộ quá trình quản trị RRTD, mà chỉ tập trung nghiên cứu *hạn chế RRTD trong cho vay* tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn.

- + Về không gian: được thực hiện nghiên cứu tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - *Chi nhánh Quy Nhơn*.

- + Về thời gian: Các dữ liệu khảo sát, đánh giá thực trạng chỉ giới hạn các dữ liệu *thời kỳ năm 2011-2013*.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, dựa vào phương pháp luận duy vật biện chứng, đề tài sử dụng các phương pháp cụ thể như điều tra,

tổng hợp và phân tích thống kê để đi đến các đánh giá kết luận tình hình.

Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

- Làm sáng tỏ những lý luận chung về RRTD và hạn chế RRTD của NHTM;

- Đánh giá thực trạng RRTD và hạn chế RRTD tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn;

- Đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế RRTD tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn;

Nghiên cứu này giúp cho chi nhánh NH tránh được phần nào những tác động tiêu cực của RRTD, cụ thể là giúp hạn chế tổn thất về vốn và tài sản, tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi;

Kết quả nghiên cứu của đề tài cũng có thể được ứng dụng cho các Chi nhánh NH có điều kiện tương tự.

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, danh mục từ viết tắt, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về hạn chế rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay của các ngân hàng thương mại

Chương 2: Thực trạng hạn chế rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn

Chương 3: Giải pháp hạn chế rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. TÍN DỤNG VÀ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1. Khái niệm tín dụng ngân hàng

Trong nền kinh tế hàng hoá, trong cùng một thời gian luôn có một số người tạm thời thừa vốn, có vốn tạm thời nhàn rỗi và có nhu cầu cho vay. Hiện tượng này làm nảy sinh mối quan hệ kinh tế mà nội dung của nó là vốn được dịch chuyển từ nơi tạm thời thừa sang nơi thiếu với điều kiện hoàn trả vốn và lãi tiền vay là lợi nhuận thu được do sử dụng vốn vay.

Quan hệ tín dụng đã hình thành và ra đời từ rất lâu, thậm chí mỗi quan hệ tín dụng thô sơ nhất được phát sinh ngay từ sau khi chế độ cộng sản nguyên thủy tan rã. Quan hệ tín dụng đã phát triển qua nhiều hình thức từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp.

Tín dụng ngân hàng là quan hệ tín dụng giữa một bên là ngân hàng còn bên kia là các tác nhân và thể nhân khác trong nền kinh tế.

Tín dụng ngân hàng là mối quan hệ vay mượn giữa ngân hàng với tất cả các cá nhân, tổ chức và các doanh nghiệp khác trong xã hội. Nó không phải là quan hệ dịch chuyển vốn trực tiếp từ nơi tạm thời thừa sang nơi tạm thời thiếu mà là quan hệ dịch chuyển vốn gián tiếp thông qua một tổ chức trung gian, đó là ngân hàng.

1.1.2. Khái niệm rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh trong quá trình cấp tín dụng của ngân hàng, biểu hiện trên thực tế qua việc khách hàng không trả được nợ hoặc trả không đúng hạn cho ngân hàng. Như vậy có thể nói

ràng rủi ro tín dụng có thể xuất hiện trong các mối quan hệ mà trong đó ngân hàng là chủ nợ, mà khách nợ lại không thực hiện hoặc không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn.

“Rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.” - theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1.1.3. Phân loại rủi ro tín dụng

a. Căn cứ vào nguyên nhân phát sinh rủi ro, rủi ro tín dụng bao gồm: Rủi ro giao dịch và rủi ro danh mục

* Rủi ro giao dịch phát sinh do những hạn chế trong quá trình giao dịch và xét duyệt cho vay, đánh giá khách hàng.

- + Rủi ro lựa chọn
- + Rủi ro bảo đảm
- + Rủi ro nghiệp vụ
- + Rủi ro nội tại
- + Rủi ro tập trung

b. Căn cứ vào khả năng trả nợ của khách hàng, rủi ro tín dụng được phân chia thành các loại sau

- Rủi ro không hoàn trả nợ đúng hạn (rủi ro đọng vốn)
- Rủi ro do không có khả năng trả nợ

Ngoài ra còn nhiều hình thức phân loại khác như phân loại căn cứ theo cơ cấu các loại hình rủi ro, phân loại theo nguồn gốc hình thành, theo đối tượng sử dụng vốn vay...

1.1.4. Đặc điểm của rủi ro tín dụng

Để chủ động phòng ngừa rủi ro tín dụng có hiệu quả, nhận biết

các đặc điểm của rủi ro tín dụng rất cần thiết và hữu ích. Rủi ro tín dụng có những đặc điểm cơ bản sau:

- Rủi ro tín dụng mang tính gián tiếp
- Rủi ro tín dụng có tính chất đa dạng và phức tạp
- Rủi ro tín dụng có tính tất yếu tức luôn tồn tại và gắn liền với

hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại

1.1.5. Nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng

Nhận diện những nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng giúp ngân hàng có biện pháp phòng ngừa hiệu quả, giảm thiệt hại. Có các nhóm nguyên nhân cơ bản sau:

a. Nguyên nhân khách quan từ môi trường bên ngoài

Nguyên nhân bất khả kháng

Thông tin không cân xứng

Môi trường kinh tế

Nguyên nhân do chính sách của Nhà nước

Môi trường pháp lý

b. Nguyên nhân từ phía người vay

Nguyên nhân từ phía người đi vay là một trong những nguyên nhân chính gây ra rủi ro tín dụng cho ngân hàng.

Rủi ro trong kinh doanh của người đi vay: rủi ro kinh doanh của doanh nghiệp được thể hiện ở mức độ biến động ít hay nhiều theo chiều hướng xấu của kết quả kinh doanh.

Rủi ro tài chính: rủi ro tài chính của doanh nghiệp thể hiện ở các doanh nghiệp không thể đối phó với các nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tiền vay cho chủ nợ.

c. Nguyên nhân từ phía ngân hàng

Chính sách tín dụng không hợp lý, quá nhấn mạnh vào lợi nhuận ngân hàng nên khi cho vay quá chú trọng về lợi tức.

Cán bộ tín dụng không tuân thủ chính sách tín dụng, không chấp hành đúng quy trình cho vay.

Do sự cạnh tranh của các ngân hàng mong muốn có tỷ trọng cho vay nhiều hơn các ngân hàng khác.

1.1.6. Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

a. Đối với ngân hàng bị rủi ro

Do không thu hồi được nợ (gốc, lãi và các loại phí) làm cho nguồn vốn ngân hàng bị thất thoát, trong khi ngân hàng vẫn phải chi trả tiền lãi cho nguồn vốn hoạt động, làm cho lợi nhuận bị giảm sút. Các biểu hiện chủ yếu về ảnh hưởng của RRTD lên hoạt động của ngân hàng bao gồm:

- Giảm thu nhập ròng Ngân hàng
- Giảm giá thị trường của vốn chủ sở hữu
- Gia tăng các loại RR khác đối với NH
- Gia tăng chi phí vay vốn của NH
- RRTD làm giảm uy tín của NH

b. Đối với hệ thống ngân hàng

Hoạt động của một ngân hàng trong một quốc gia có liên quan đến hệ thống ngân hàng và các tổ chức kinh tế, xã hội và cá nhân trong nền kinh tế. Nếu không có sự can thiệp kịp thời của NHNN và Chính phủ thì tâm lý sợ mất tiền sẽ lây lan đến toàn bộ người gửi tiền và họ sẽ đồng loạt rút tiền tại các NHTM làm cho các ngân hàng khác vô hình chung cũng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

c. Đối với nền kinh tế

Ngân hàng có mối quan hệ chặt chẽ với nền kinh tế, là kênh thu hút và bơm tiền cho nền kinh tế, hoạt động kinh tế bị mất ổn định và ngưng trệ, mất bình ổn về quan hệ cung cầu, lạm phát, thất nghiệp, tệ nạn xã hội gia tăng, tình hình an ninh chính trị bất ổn...

d. Trong quan hệ kinh tế đối ngoại

Làm ảnh hưởng đến vị thế và hình ảnh của hệ thống ngân hàng – tài chính quốc gia cũng như toàn bộ nền kinh tế của quốc gia đó.

Tóm lại, rủi ro tín dụng của một ngân hàng xảy ra sẽ gây ảnh hưởng ở các mức độ khác nhau: nhẹ nhất là ngân hàng bị giảm lợi nhuận khi phải trích lập dự phòng, không thu hồi được lãi cho vay, nặng nhất khi ngân hàng không thu được vốn gốc và lãi vay, nợ thất thu với tỷ lệ cao dẫn đến ngân hàng bị lỗ và mất vốn.

1.2. HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.2.1. Nội dung hạn chế rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại

Các nghiên cứu lý luận đã chỉ ra hai thành phần chính của rủi ro tín dụng đó là khả năng (hay xác suất) xuất hiện rủi ro tín dụng và mức độ tổn thất nếu rủi ro xảy ra.

Như vậy về nội dung hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay của NHTM bao gồm:

+ *Tiến hành các biện pháp phòng ngừa rủi ro xảy ra (bao gồm cả những biện pháp, thực hiện trước, trong và sau khi cho vay) nhằm hạn chế khả năng xảy ra rủi ro tín dụng. Các biện pháp chủ yếu cần thực hiện bao gồm*

+ *Các biện pháp xử lý sau khi rủi ro tín dụng xảy ra nhằm hạn chế mức độ tổn thất nếu xảy ra rủi ro tín dụng*

1.2.2. Tiêu chí đánh giá kết quả hạn chế rủi ro tín dụng

a. Mức giảm tỷ lệ dư nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5 so với tổng dư nợ

$$\text{Tỷ lệ dư nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5} = \frac{\text{Dư nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100 \quad (1.1)$$

Mức giảm các chỉ tiêu này được tính bằng hiệu số giữa tỷ lệ dư nợ từ nhóm 2 – nhóm 5 của kỳ báo cáo so với tỷ lệ dư nợ từ nhóm 2– nhóm 5 so với tổng dư nợ của kỳ so sánh.

b. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu cho vay

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu} = \frac{\text{Dư nợ xấu}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100 \quad (1.2)$$

Theo thông lệ quốc tế, việc phân loại nợ xấu bao gồm những khoản nợ được đánh giá là nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ và nợ có khả năng mất vốn.

Nợ xấu theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là nợ được phân loại vào nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn), nhóm 4 (nợ nghi ngờ) và nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn).

Tỷ lệ này càng cao chứng tỏ mức độ nguy cơ tổn thất trong hoạt động tín dụng của NH càng lớn. Hai chỉ tiêu Tỷ lệ nợ từ nhóm 2 – nhóm 5, tỷ lệ nợ xấu (trên dư nợ) nếu có xu hướng giảm là biểu hiện tốt trong công tác hạn chế RRTD và ngược lại.

c. Biến động trong cơ cấu nhóm nợ

Tuy chỉ tiêu tỷ lệ nợ từ nhóm 2 – nhóm 5 cho phép đánh giá toàn bộ các biểu hiện của rủi ro tín dụng nhưng do các nhóm nợ lại có mức rủi ro khác nhau chứ không đồng nhất, nên nếu tỷ lệ này ở hai Ngân hàng giống nhau hoặc giữa cùng một Ngân hàng ở hai thời kỳ.

d. Mức giảm tỷ lệ xóa nợ rỗng cho vay

$$\text{Tỷ lệ xóa nợ rỗng} = \frac{\text{Giá trị xóa nợ rỗng}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100 \quad (1.3)$$

Trong đó:

Giá trị xóa nợ rỗng = Dư nợ xóa trong bảng – số tiền đã thu hồi được.

Nợ xóa là những khoản nợ đã được xử lý rủi ro từ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng và đã được xuất toán trong bảng để chuyển sang theo dõi ngoại bảng.

e. Mức giảm tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro các khoản vay

$$\text{Tỷ lệ trích lập dự phòng} = \frac{\text{Số đã trích lập dự phòng}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100 \quad (1.4)$$

Mức trích lập dự phòng rủi ro tín dụng phản ánh mức độ rủi ro tín dụng của Ngân hàng dựa trên việc phân loại nợ theo mức độ rủi ro. Do đó, chỉ tiêu này nói lên sự chuẩn bị của một Ngân hàng cho các tổn thất tín dụng được dự kiến trước.

1.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại

a. Nhân tố ảnh hưởng từ bên ngoài

Đây là những nhân tố gây nên rủi ro cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng cho vay không xuất phát từ cán bộ cho vay hay ý thức trả nợ của khách hàng mà do môi trường bên ngoài tác động vào. Cụ thể như sau:

Môi trường kinh tế xã hội.

Sự thay đổi chính sách của Chính phủ

+ Chính sách tài chính

+ Chính sách tiền tệ

+ Chính sách đầu tư phát triển

Môi trường pháp lý

Môi trường tự nhiên.

b. Nhân tố bên trong ngân hàng

Chính sách tín dụng không hợp lý, quá nhấn mạnh vào lợi nhuận ngân hàng nên khi cho vay quá chú trọng về lợi tức.

Do ngân hàng tăng trưởng tín dụng mà không có sự kiểm soát chất lượng tín dụng.

Phương tiện cho vay chưa được cơ cấu hợp lý: số lượng vốn vay thừa hoặc thiếu so với nhu cầu dẫn đến khách hàng sử dụng vốn vay không đúng mục đích, kỳ hạn trả nợ không phù hợp với dòng tiền thu được của khách hàng hoặc dòng đời dự án, thời hạn rút vốn, tài sản đảm bảo...

1.3. KINH NGHIỆM HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG CỦA THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO CÁC NHTM VIỆT NAM TRONG CÔNG TÁC HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG

1.3.1. Kinh nghiệm hạn chế rủi ro tín dụng của thế giới

a. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Hoạt động tín dụng tại Trung Quốc cho thấy các khoản Nợ xấu của ngân hàng thương mại tại nước này thường xuất phát từ:

+ Dư nợ tín dụng tăng quá nhanh, trong khi cho vay những lĩnh vực ngoài thị trường truyền thống và dựa vào thế chấp, người bảo lãnh, danh tiếng – là những nguồn trả nợ thứ yếu – mà không đánh giá nguồn trả nợ chính.

+ Trình độ chuyên môn của cán bộ tín dụng có nhiều hạn chế so với tiêu chuẩn.

+ Coi nhẹ các tiêu chuẩn an toàn tín dụng, như

+ Giám sát sau giải ngân kém

b. Kinh nghiệm của Nhật Bản

Hoạt động của ngân hàng và nền kinh tế Nhật có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Khi nền kinh tế có vấn đề thì ngành kinh doanh ngân hàng cũng không thể hoạt động tốt được. Cho dù ngân hàng đóng vai trò hỗ trợ đối với các ngành công nghiệp sản xuất và dịch vụ.

1.3.2. Bài học kinh nghiệm cho các NHTM Việt Nam trong công tác hạn chế rủi ro tín dụng

a. Về phía ngân hàng

Dư nợ tín dụng tăng quá nhanh trong khi trình độ chuyên môn của cán bộ tín dụng chưa đạt chuẩn, bộ máy quản lý tín dụng của ngân hàng còn chưa được kiện toàn.

Cho vay chỉ dựa vào yếu tố tài sản đảm bảo, người bảo lãnh, danh tiếng khách hàng mà không quan tâm nhiều đến thẩm định, đánh giá hiệu quả thực tế của phương án, dự án vay mang lại.

b. Về phía khách hàng

Một là, do khách hàng sử dụng vốn sai mục đích.

Hai là, khách hàng bị chiếm dụng vốn, mất cân đối tiền vay và tài sản hình thành từ vốn vay.

Ba là, khách hàng không tiêu thụ được sản phẩm, thường xảy ra ở các khoản vay có đặc điểm

Bốn là, khách hàng không đủ vốn lưu động để kinh doanh, thường xảy ra đối với các khoản vay sau

Năm là, khách hàng không có đủ hoặc không thu xếp được nguồn vốn như kế hoạch.

Sáu là, khách hàng không thể kiểm soát tổng thể tình hình kinh doanh hoạt động của mình.

Bảy là, khách hàng đầu tư ở những lĩnh vực nhạy cảm dễ thay đổi chính sách.

Tám là, khách hàng đầu cơ theo giá trị tài sản:

Chín là, khách hàng chủ đích lừa đảo thường xảy ra đối với việc thành lập nhiều công ty trong cùng một nhóm để vay vốn

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH QUY NHƠN

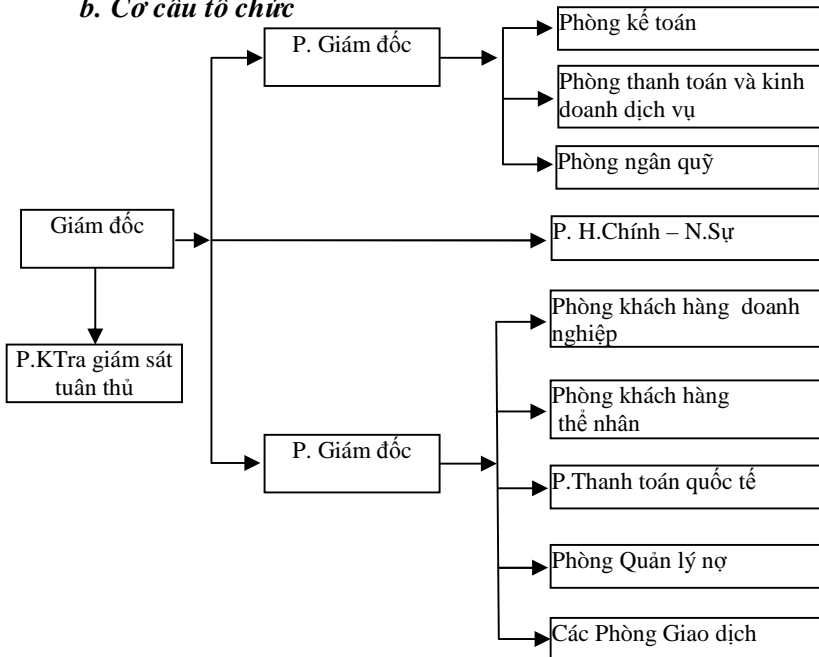
2.1. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH QUY NHƠN (VIETCOMBANK QUY NHƠN)

2.1.1. Giới thiệu tổng quan về Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

2.1.2. Quá trình hình thành và cơ cấu tổ chức Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn

a. Quá trình hình thành

b. Cơ cấu tổ chức



Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức, quản lý của VCB Quy Nhơn

2.1.3. Tình hình hoạt động kinh doanh cơ bản của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn giai đoạn 2011-2013

a. Hoạt động huy động vốn

Để thực hiện nhiệm vụ cho vay, Vietcombank Quy Nhơn luôn tìm phương hướng thích hợp cho công tác huy động của mình nhằm thu hút nguồn vốn nhân rồi trong các thành phần kinh tế để có thể sử dụng nguồn vốn huy động này có hiệu quả nhất.

Nguồn vốn huy động tăng mạnh do Chi nhánh đã thực sự coi trọng công tác huy động vốn xem đây là điều kiện đầu tiên trong mọi hoạt động với phương châm tranh thủ tối đa vốn Trung ương.

b. Hoạt động cho vay

Hoạt động tín dụng góp phần mang lại nguồn thu lớn và chủ yếu cho Chi nhánh, khẳng định được vị thế của ngân hàng, thương hiệu trên địa bàn tỉnh và trong khu vực. Chi tiết dư nợ tín dụng tại VCB Quy Nhơn từ năm 2011 đến 2013 như sau:

***Bảng 2.2. Tình hình hoạt động tín dụng của VCB Quy Nhơn
2011 – 2013***

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Dư nợ cho vay	3.149	3.435	3.611
1. Cho vay ngắn hạn	2.675	3.026	3.266
2. Cho vay trung dài hạn	417	369	315
3. Cho vay khác	57	40	30
Tốc độ tăng trưởng (%)	-	9,08	5,12
1. Cho vay ngắn hạn	-	13,12	7,93
2. Cho vay trung dài hạn	-	-11,51	-14,63
3. Cho vay khác	-	-29,82	-25,00

(Nguồn: Số liệu thống kê qua các năm của VCB Quy Nhơn)

c. Kết quả hoạt động kinh doanh

**Bảng 2.3. Kết quả hoạt động kinh doanh của VCB Quy Nhơn
giai đoạn 2011-2013**

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1. Tổng thu nhập	389.367	689.119	463.338
- Thu lãi cho vay	267.191	388.604	394.097
- Thu lãi tiền gửi	75.588	254.681	54.275
- Thu dịch vụ ngân hàng	5.737	5.075	4.601
- Thu hoạt động kinh doanh ngoại tệ	18.057	32.686	4.347
- Thu khác	22.794	8.073	6.018
2. Tổng chi phí	333.301	563.914	417.767
- Trả lãi tiền gửi	64.664	81.985	138.982
- Trả lãi tiền vay	205.219	386.943	196.401
- Chi kinh doanh ngoại tệ	8.767	21.021	2.563
- Chi về tài sản	5.793	5.770	6.606
- Chi hoạt động tài chính	0	38.851	41.466
- Chi phí khác (bao gồm chi dự phòng)	48.858	29.344	31.749
3. Chênh lệch thu chi	56.066	125.205	45.571

(Nguồn: Số liệu thống kê qua các năm của VCB Quy Nhơn)

**2.2. THỰC TRẠNG HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI
NHÁNH QUY NHƠN**

**2.2.1. Thực trạng các biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng đã
tiến hành tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi
nhánh Quy Nhơn**

a. Triển khai thực hiện các quy định chung về quản lý tín dụng

✓ **Giới hạn kiểm soát rủi ro tín dụng**

- ✓ Quy định giới hạn tín dụng (GHTD)
- ✓ Xác định thẩm quyền phê duyệt tín dụng
- ✓ Quy trình tín dụng (QTTD)

b. Triển khai thực hiện các bước nghiệp vụ trong quy trình tín dụng

- ✓ Cẩm nang tín dụng
- ✓ Hệ thống xếp hạng tín dụng
- ✓ Bảo đảm tín dụng
- ✓ Kiểm tra của Phòng kiểm tra nội bộ
- ✓ Phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro:
- ✓ Hướng giải pháp xử lý khi có rủi ro xảy ra

2.2.2. Kết quả công tác hạn chế rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn

a. Biến động cơ cấu nhóm nợ và Mức giảm tỷ lệ dư nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5

- b. Mức giảm lệ nợ xấu**
- c. Mức giảm tỷ lệ xóa nợ ròng**
- d. Mức giảm tỷ lệ trích lập dự phòng**

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH QUY NHƠN

2.3.1. Những kết quả đạt được trong công tác hạn chế hạn chế rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn

Công tác hạn chế RRTD trong thời gian qua đã mang lại những kết quả tích cực như:

+ Các bộ phận đã được chuyên môn hóa sâu hơn tùy theo chức năng, phân định rõ trách nhiệm giữa các bộ phận.

- + Quy trình cấp tín dụng do nhiều bộ phận quản lý có thể hạn chế.
- + Các quy trình khác nhau theo từng đối tượng khách hàng vừa đáp ứng đòi hỏi tăng cường kiểm soát RRTD.
- + Chi nhánh đã đánh giá được tầm quan trọng của công tác quản lý RRTD trong hoạt động cho vay và đã thực hiện nghiêm túc các quy định về phân loại nợ.
- + Việc không tổ chức bộ phận QLRR tại chi nhánh mà chỉ tổ chức phân QLRR tại Hội sở đã làm tăng tính độc lập trong phân tích, thẩm định và phê duyệt tín dụng, giám sát chất lượng tín dụng.
- + Hệ thống xếp hạng tín dụng tương đối phù hợp, cơ bản đã phản ánh được chất lượng khách hàng.

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn

a. Những hạn chế

Thứ nhất, việc quản lý rủi ro mới chỉ quan tâm đến khía cạnh từng khách hàng.

Thứ hai, chính sách tín dụng còn nhiều điểm chưa rõ ràng, NHNT VN mới.

Thứ ba, đối với quy trình tín dụng

Thứ tư, phân tích tín dụng là nội dung cơ bản và quan trọng nhất trong việc đưa ra những quyết định cho vay hoặc không cho vay, cho vay có điều kiện như thế nào.

Thứ năm, trình độ cán bộ phân tích còn nhiều hạn chế so với yêu cầu.

Thứ sáu, công tác thẩm định tín dụng còn dựa quá nhiều vào tài sản đảm bảo.

Thứ bảy, công tác phát hiện, theo dõi và xử lý nợ có vấn đề

còn nhiều yếu kém.

Thứ tám, kết quả công tác kiểm tra trong và sau cho vay và việc kiểm soát nội bộ tuy đã có nhiều nỗ lực và đã hỗ trợ nhiều cho công tác ,hạn chế rủi ro nhưng vẫn còn một số mặt bất cập.

b. Nguyên nhân của hạn chế

Nguyên nhân từ phía ngân hàng

+ Cán bộ tín dụng sai sót khi thực hiện qui trình cấp tín dụng,
Công tác thu thập thông tin tín dụng không đầy đủ và chính xác

+ *Lạm dụng tài sản thế chấp*

+ *Thiếu kiểm tra giám sát vốn vay*

+ *Công tác kiểm tra nội bộ tại chi nhánh chưa hiệu quả*

+ *Rủi ro do cạnh tranh gay gắt giữa các tổ chức tín dụng, tập trung quá cao cho một mục tiêu tăng trưởng tín dụng, tất yếu dẫn đến việc giảm thấp điều kiện cung cấp tín dụng, nới lỏng kiểm soát cho vay*

Nguyên nhân từ phía khách hàng

Nguyên nhân từ môi trường kinh doanh

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3
GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG
TẠI NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM –
CHI NHÁNH QUY NHƠN

3.1. ĐỊNH HƯỚNG CỦA NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH QUY NHƠN

3.2. GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH QUY NHƠN

3.2.1. Xây dựng và điều chỉnh danh mục cho vay trong từng thời kỳ

3.2.2. Xây dựng chính sách khách hàng hiệu quả

3.2.3. Các giải pháp phòng ngừa rủi ro

a. Củng cố và hoàn thiện hệ thống thông tin tín dụng

b. Nâng cao chất lượng thẩm định và phân tích tín dụng

c. Quản lý, giám sát chặt chẽ quy trình giải ngân và sau giải ngân

d. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra nội bộ

e. Thực hiện nghiêm túc việc phân loại nợ và trích lập dự phòng

3.2.4. Các giải pháp hạn chế, bù đắp tổn thất khi rủi ro xảy ra

a. Tăng cường hiệu quả xử lý nợ có vấn đề

Ø *Hình thức xử lý tổ chức khai thác*

Cho vay thêm

Bổ sung tài sản đảm bảo

Chuyển nợ quá hạn

Ø Hình thức sử dụng các biện pháp thanh lý

- Xử lý nợ tồn đọng*
- Thanh lý doanh nghiệp*
- Khởi kiện*
- Bán nợ*
- Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro*

b. Sử dụng các công cụ bảo hiểm và bảo đảm tiền vay

Rủi ro tín dụng xuất phát từ nhiều nguyên nhân rất đa dạng mà đôi khi những rủi ro đó ngân hàng không thể lường trước được. Vì vậy sử dụng các công cụ bảo hiểm và áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay để hạn chế tổn thất khi rủi ro xảy ra là cực kỳ quan trọng. Một số giải pháp cần thực hiện:

- Chỉ nhận cầm cố thế chấp những tài sản có tính thanh khoản cao, dễ xử lý khi có rủi ro xảy ra. Đối với những tài sản mà khách hàng chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý về sở hữu tài sản thì yêu cầu khách hàng hoàn thành việc đăng ký sở hữu tài sản, nhất là đối với nhà xưởng, công trình trên đất.

- Việc giải ngân các dự án phải ưu tiên thực hiện bằng phương pháp chuyển khoản trực tiếp đến người bán.

- Cho vay cá nhân tiêu dùng nhất thiết yêu cầu có tài sản đảm bảo vì đối tượng khách hàng này rất phức tạp.

- Ngân hàng liên kết với một số công ty bảo hiểm có uy tín, tư vấn, hỗ trợ khách hàng khi có yêu cầu. Hiện nay, NHNT liên kết với Công ty Bảo hiểm CARDIF (là công ty Bảo hiểm Nhân thọ và Phi Nhân thọ hàng đầu thế giới về bảo hiểm tín dụng – thuộc tập đoàn Ngân hàng PNP Paribas), thành lập công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank Cardif Life Insurance (VCLI) và đưa ra sản phẩm bảo an tín dụng. .

- Yêu cầu khách hàng vay phải mua bảo hiểm trong quá trình xây dựng và bảo hiểm công trình, bảo hiểm hàng hóa... đồng thời, trên hợp đồng bảo hiểm ghi rõ người thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm khi có rủi ro xảy ra là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn.

3.2.5. Các giải pháp về nhân sự

Con người vừa là yếu tố trung tâm, vừa là nền tảng để phát hiện, đánh giá và hạn chế kịp thời những rủi ro tín dụng nhưng đồng thời cũng là nguyên nhân gây ra tổn thất tín dụng từ những rủi ro xuất phát từ yếu tố đạo đức, năng lực yếu kém. Do đó các giải pháp về nhân sự giữ một vai trò cốt yếu trong xây dựng các biện pháp phòng ngừa rủi ro tín dụng. Một số nội dung trong giải pháp này là:

- Tiêu chuẩn của cán bộ tín dụng
- + Thực hiện các công việc được giao với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, minh bạch và công khai.
- + Không được tham gia các hoạt động kinh doanh bị cấm.
- + Không được sử dụng thông tin, chỉ đạo nội bộ để phục vụ cho bất kỳ một tổ chức khác không phải là ngân hàng hoặc mục đích cá nhân.
- + Không sử dụng nguồn lực của ngân hàng cho mục đích cá nhân. Tự chịu trách nhiệm cá nhân trong tất cả các quyết định mà mình tham gia.

- Bố trí đủ và phân công công việc hợp lý cho cán bộ, tránh tình trạng quá tải cho cán bộ để đảm bảo chất lượng công việc, giúp cho cán bộ có đủ thời gian nghiên cứu, thẩm định và kiểm tra giám sát các khoản vay một cách có hiệu quả.

- Tăng cường công tác đào tạo, tái đào tạo, thực hiện đào tạo định kỳ và thường xuyên để nâng cao trình độ kiến thức cũng

như khả năng vận dụng những kinh nghiệm, kỹ thuật mới trong thẩm định tín dụng, quản lý rủi ro, nâng cao chất lượng tín dụng.

- Xây dựng chế độ đánh giá khen thưởng và kỷ luật, lương thưởng dựa trên chất lượng tín dụng và hiệu quả công việc mà cán bộ đó thực hiện.

- Thực hiện luân chuyển cán bộ trong quản lý khách hàng để giảm trừ những tiêu cực do những mối quan hệ được tạo lập quá dài.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ KHÁC

3.3.1. Đối với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

3.3.2. Đối với Ngân hàng Nhà nước

3.3.3. Đối với chính phủ

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường theo hướng hội nhập kinh tế quốc tế, sự tác động của các quy luật kinh tế khách quan chắc chắn có tác động đến hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng, do đó hoạt động tín dụng - hoạt động chủ yếu của các ngân hàng thương mại hiện nay- sẽ có nhiều cơ hội tốt, nhưng cũng không thể tránh khỏi những tổn thất có thể xảy ra.

Rủi ro tín dụng là một thực tế khách quan, song hoạt động ngân hàng là một hoạt động nhạy cảm có tác động lớn đến tình hình kinh tế xã hội. Do vậy quản lý và giám sát các hoạt động kinh doanh ngân hàng, đặc biệt là hoạt động tín dụng luôn là ưu tiên của mọi quốc gia, của các cơ quan quản lý Nhà nước, ngân hàng Trung ương.

Rủi ro tín dụng và các biện pháp hạn chế rủi ro tín dụng thu hút sự quan tâm của các cơ quan quản lý. Tại Việt Nam môi trường kinh doanh đang thay đổi nhanh chóng dưới tác động của quá trình hội nhập toàn diện vào nền kinh tế thế giới. Để đảm bảo an toàn hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh trong môi trường toàn cầu hoá, mỗi ngân hàng cần phải được khuyến khích áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong giám sát và quản trị rủi ro tín dụng. Trên cơ sở các chuẩn mực chung, các ngân hàng cần phải xây dựng một chính sách tín dụng phù hợp, một quy trình quản trị rủi ro thực tế và hiệu quả, một cơ cấu tổ chức và quy trình tín dụng được giám sát chặt chẽ. Hệ thống các chính sách tín dụng, chương trình quản trị rủi ro và quy trình tín dụng không chỉ phát hiện và ngăn ngừa rủi ro mà còn phải thường xuyên kiểm soát được chất lượng tín dụng, làm cơ sở cho việc hình thành quỹ dự phòng giúp cho ngân hàng có đủ khả năng chủ động đối phó với các rủi ro xảy ra.

Từ việc tiếp cận lý luận và thực tiễn, Luận văn đã hoàn thành được những nhiệm vụ sau:

- Trình bày cơ sở lý luận về hạn chế RRTD trong cho vay của NHTM.

- Phân tích thực trạng hạn chế RRTD tại NHTMCP Ngoại thương Chi nhánh Quy Nhơn, qua đó tìm hiểu được những thành tựu và tồn tại cũng như nguyên nhân của tồn tại trong việc hạn chế RRTD tại chi nhánh.

- Trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn đó, Luận văn đã đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm hạn chế RRTD trong cho vay tại Chi nhánh.